



thông qua việc thực hành các kiến thức của môn học vào thực tiễn cuộc sống và học tập các kỹ năng thực hành tiếng.

### 2.2.3. Về thái độ:

Sinh viên ý thức được tầm quan trọng và vị trí của môn học, tham gia học tập một cách tích cực, cố gắng sử dụng các kiến thức học được vào thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên có tinh thần kỷ luật và thái độ học tập tốt, nghiêm túc trong công việc, giờ giấc; biết hợp tác, hỗ trợ trợ lẫn nhau trong quá trình học

### 3. Chuẩn đầu ra học phần:

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	- hiểu được bản chất của ngôn ngữ, phạm vi nghiên cứu, các nguyên tắc và cấp độ phân tích.
CLO 2	- phân biệt được các khái niệm kiến thức, khả năng và năng lực ngôn ngữ, ngữ năng và ngữ thi giao tiếp.
CLO 3	- nhớ được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp.
CLO 4	- giải thích được cấu trúc bên trong và bên ngoài của ngôn ngữ.
CLO 5	- biết được cách tạo từ thông qua mối liên hệ của các hình vị trong tiếng Anh.
CLO 6	- biết được vị trí của môn học, tham gia vào quá trình học một cách chủ động, tích cực, chủ động.
CLO 7	- có khả năng tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thể hiện tính kỷ luật và nghiêm túc trong quá trình học.

### 4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO 1	I	I	I	R	R	R	R	R	I	I	I	I
CLO 2	I	I	I	R	R	R	R	R	I	I	I	I
CLO 3	I	I	I	R	R	R	R	R	I	I	I	I
CLO 4	I	I	I	R	R	R	R	R	I	I	I	I
CLO 5	I	I	I	R	R	R	R	R	I	I	I	I
CLO 6										R	R	R
CLO 7										R	R	R

## **5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá/Thời gian đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	15%	Xuyên suốt học phần		X	CLO 6-7	Sử dụng rubric 1
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	35%	A2.1. Tuần 5 (Bài 3)	50%		CLO 3	2.1. Chấm bài tự luận, các ý trong câu trả lời được đánh giá không lớn hơn 1 điểm  A2.2. Trắc nghiệm kèm tự luận, các ý trong câu trả lời được đánh giá không lớn hơn 1 điểm
		A2.2. Từ tuần 8 (Bài 4)	50%		CLO5	
A3. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài kiểm tra cuối kỳ			CLO1-7	A3. Tự luận

**b. Yêu cầu đối với học phần**

Sinh viên phải tham dự  $\geq 80\%$  số buổi của HP. Nếu nghỉ  $>20\%$  số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

## 6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

Tuần/ Buổi (2 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/ TH/ TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lqua n đến CDR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	UNIT1: INTRODUCTION  1. Definition of linguistics 2. Language purposes 3. Language communication	2	Kết thúc bài học sinh viên có thể hiểu được bản chất của ngôn ngữ, phạm vi nghiên cứu, các nguyên tắc và cấp độ phân tích.	<i>CLO1</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- PP thuyết trình tích cực sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và có sự tương tác trong lớp học;</li> <li>- PP brainstorming;</li> <li>- PP dạy học tương tác: sinh viên thảo luận, trao ý kiến đưa ra kết luận, theo cặp, nhóm;</li> <li>- GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên</li> </ul>	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;	A1



	words		phân tích. - biết được cách tạo từ thông qua mối liên hệ của các hình vị trong tiếng Anh.	<i>CLO5</i> <i>CLO6</i> <i>CLO7</i>	- PP brainstorming; - PP dạy học tương tác: sinh viên giao tiếp, trao đổi thông tin theo cặp, nhóm; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên		A1
5	UNIT 5: AREAS OF ENQUIRY: FOCUS ON MEANING 1. Meaning in language 2. Meaning in context	2	Kết thúc bài học sinh viên có thể giải thích được cấu trúc bên trong và bên ngoài của ngôn ngữ	<i>CLO4</i>  <i>CLO6</i> <i>CLO7</i>	- PP thuyết trình tích cực sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và có sự tương tác trong lớp học; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên		A1
6	UNIT 6: CURRENT ISSUES OF LINGUISTICS 1. The data of linguistics 2. Macro linguistics  <b>FORMATIVE ASSESSMENT</b>	5	Kết thúc bài học sinh viên có thể hiểu được bản chất của ngôn ngữ, phạm vi nghiên cứu, các nguyên tắc và cấp độ phân tích.	<i>CLO1</i>  <i>CLO6</i> <i>CLO7</i>	- PP thuyết trình tích cực sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và có sự tương tác trong lớp học; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh		A1  A2.2

					viên.		
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì			CLO1 -7			A3



## 7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
<b>Giáo trình chính</b>				
1	H.G. Widdowson	2009	Linguistics	Oxford university press
	John Lyons	1981	Language and linguistics An Introduction	Cambridge University Press
<b>Sách, giáo trình tham khảo</b>				
1	Nguyễn Thiện Giáp	2008	Giáo trình Ngôn ngữ học	NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội.

## 8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học ngoại ngữ có ghế xếp	Projector, loa, màn hình máy chiếu	01	Tất cả các bài học

## 9. Rubric đánh

**a. Đánh giá chuyên cần (Attendance Check) Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Quảng Bình, ngày 16 tháng 10 năm 2021

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

**TS. Nguyễn Đình Hùng**

**TS. Lê Thị Hằng**

**TS. Lê Thị Hằng**